

Bản án số: 139/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N TP Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Dũng**
Ông **Huỳnh Bá Quý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thúy Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần T H**, sinh năm 1956; trú tại: Tổ 01, phường K, quận N, thành phố Đ - Có mặt

Bị đơn: Ông **Hoàng H**, sinh năm 1955; trú tại: Tổ 01, phường K, quận N, thành phố Đ - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng H đăng ký kết hôn vào năm 1979 tại phường B cũ nay là phường K, quận N, thành phố Đ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 1995 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng ngày càng có những quan điểm trái ngược nhau về cuộc sống, dẫn đến những bất hòa; hai bên không thể hòa hợp, nhưng vì các con nên bà cố gắng chịu đựng đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2000 đến nay; không quan tâm gì đến nhau nữa. bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông H

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Trường Sơn, sinh năm 1980 và Hoàng Thế Long – sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà Hòa về thời gian kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Nay bà Hòa yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý bởi vợ chồng chung sống đến nay tuổi đã cao, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Vì vậy ông muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Trường Sơn, sinh năm 1980 và Hoàng Thế Long – sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về người tham gia tố tụng: Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “*Tranh chấp ly hôn*” của bà Trần T H đối với ông Hoàng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với ông Hoàng H. Căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần T H và ông Hoàng H đăng ký kết hôn vào năm 1979 tại phường Bắc Mỹ An cũ nay là phường Khuê Mỹ, quận N, thành phố Đ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần T H và ông Hoàng H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà Hòa cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng ngày càng có những quan điểm trái ngược nhau về cuộc sống, dẫn đến

những bất hòa; hai bên không thể hòa hợp, nhưng vì các con nên bà cố gắng chịu đựng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay; không quan tâm gì đến nhau nữa. Bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông H

Ông H thì cho rằng: Vợ chồng chung sống đến nay tuổi đã cao, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Vì vậy ông muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng về chung sống với nhau.

Đối với yêu cầu xin được ly hôn của bà T.H và nguyện vọng xin được đoàn tụ của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần động viên bà T.H về tiếp tục sống chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T.H vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin được ly hôn đối với ông H. Hai vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2.000 đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng xin được đoàn tụ của ông H mà cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Trần T H được ly hôn với ông Hoàng H là thỏa đáng.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng S, sinh năm 1980 và Hoàng L – sinh năm 1983. Nay các con đều đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập đến.

- *Về tài sản chung*: Bà T. H và ông H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần T H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” của bà Trần T H đối với ông Hoàng H;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần T H được ly hôn ông Hoàng H.

[2] Về con chung: Không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Trần T H phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 1826 ngày 01/10/2018, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N, TP Đ.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Q.N;
- Thi hành án Q. N;
- UBND phường K
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Hoan